

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 251/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày 01 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2022
của các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" giai đoạn 2022 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Chỉ số cải cách hành chính tỉnh tại Tờ trình số 61/TTr-HĐTĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa, kết quả như sau: *(Có Phụ lục 1, Phụ lục 2 kèm theo).*

Điều 2. Căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm, có giải pháp đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 và những năm tiếp theo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông; Đài PT&TH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng, đơn vị thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Dg).

CHỦ TỊCH



Hồ Văn Mười

PHỤ LỤC 1

KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC SỞ, BAN, NGÀNH NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (13 điểm)	Cải cách thể chế (13 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (18 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (09 điểm)	Cải cách chế độ công vụ (19 điểm)	Cải cách tài chính công (10,5 điểm)	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (17,5 điểm)	Tổng cộng điểm	Chỉ số cải cách hành chính (%)	Xếp loại
I	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 95% đến 100%: Xếp loại xuất sắc										
1	Cục Thuế tỉnh	13	13	17	9	19	10	17,484	98,48	99,48	Xuất sắc
2	Bảo hiểm xã hội tỉnh	13	13	16,966	8	19	10,5	17,5	97,97	98,96	Xuất sắc
3	Kho bạc Nhà nước Đắk Nông	12,596	11,5	17	9	19	10,5	17,5	97,10	98,08	Xuất sắc

TT	Đơn vị	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (13 điểm)	Cải cách thể chế (13 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (18 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (09 điểm)	Cải cách chế độ công vụ (19 điểm)	Cải cách tài chính công (10,5 điểm)	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (17,5 điểm)	Tổng cộng điểm	Chỉ số cải cách hành chính (%)	Xếp loại
II Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 80% đến dưới 95%: Xếp loại tốt											
4	Văn phòng UBND tỉnh	13	10,5	15,8	9	19	10,5	16,116	93,92	94,86	Tốt
5	Thanh tra tỉnh	9,75	13	16,983	9	19	10,5	15,383	93,62	94,56	Tốt
6	Sở Tư pháp	13	13	16,852	9	18	10,5	10,738	91,09	92,01	Tốt
7	Sở Nội vụ	13	11,5	16,997	9	19	10,5	11	91,00	91,92	Tốt

TT	Đơn vị	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (13 điểm)	Cải cách thể chế (13 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (18 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (09 điểm)	Cải cách chế độ công vụ (19 điểm)	Cải cách tài chính công (10,5 điểm)	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (17,5 điểm)	Tổng cộng điểm	Chỉ số cải cách hành chính (%)	Xếp loại
8	Sở Thông tin và Truyền thông	11	10,5	17	9	16,5	10,5	15,93	90,43	91,34	Tốt
9	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	9,75	11	15,994	9	17	10,5	16,261	89,51	90,41	Tốt
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	13	10,5	16,945	8	17	10,5	11,952	87,90	88,78	Tốt
11	Sở Tài chính	11	10,5	16,5	9	19	10,5	10	86,50	87,37	Tốt
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	10	11,5	16,928	9	16,5	8,5	14,022	86,45	87,37	Tốt

TT	Đơn vị	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (13 điểm)	Cải cách thể chế (13 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (18 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (09 điểm)	Cải cách chế độ công vụ (19 điểm)	Cải cách tài chính công (10,5 điểm)	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (17,5 điểm)	Tổng cộng điểm	Chỉ số cải cách hành chính (%)	Xếp loại
13	Sở Khoa học và Công nghệ	9,25	11,5	15,5	9	19	10,5	10,4	85,15	86,01	Tốt
14	Sở Giao thông vận tải	9,75	11,5	11,474	9	17	10,5	15,477	84,70	85,56	Tốt
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13	8	14,37	9	14,5	10,5	14,894	84,26	85,12	Tốt
16	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	7,692	13	16	9	17	10,5	10,538	83,73	84,58	Tốt
17	Sở Y tế	10	11	15,973	9	15	8,5	12,471	81,94	82,77	Tốt

TT	Đơn vị	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (13 điểm)	Cải cách thể chế (13 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (18 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (09 điểm)	Cải cách chế độ công vụ (19 điểm)	Cải cách tài chính công (10,5 điểm)	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (17,5 điểm)	Tổng cộng điểm	Chỉ số cải cách hành chính (%)	Xếp loại
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	8,75	11,333	14	9	17,5	8,5	11,484	80,57	81,38	Tốt
III	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 70% đến dưới 80%: Xếp loại khá										
19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	9,671	8,5	15,647	9	15	9,5	11,741	79,06	79,86	Khá
20	Ban Dân tộc	9,194	9,5	11,889	9	17	10,5	11,926	79,01	79,81	Khá
21	Sở Công Thương	5,75	10	15,487	8	16,5	10,5	12,071	78,31	79,10	Khá
22	Sở Xây dựng	8,645	7	8	9	17,5	8,5	13,679	72,32	73,05	Khá

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2022
 (Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (13 điểm)	Cải cách thể chế (10 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (18,5 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (7,5 điểm)	Cải cách chế độ công vụ (15,5 điểm)	Cải cách tài chính công (08 điểm)	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (15 điểm)	Tác động của CCHC đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (12,5 điểm)	Tổng cộng điểm	Chỉ số cải cách hành chính (%)	Xếp loại
I	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 95% đến 100%: Xếp loại xuất sắc: Không có											
II	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 80% đến dưới 95%: Xếp loại tốt											
1	UBND huyện Krông Nô	10,973	9,5	15,095	7,5	14	8	10,478	2,5	78,05	87,69	Tốt
2	UBND thành phố Gia Nghĩa	11	9,5	14,758	7	13,5	7,5	8,093	2	73,35	82,42	Tốt
3	UBND huyện Đắk R'lấp	11	9.5	14,422	7	13	7,5	8,97	1,5	72,89	81,90	Tốt

TT	Đơn vị	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (13 điểm)	Cải cách thể chế (10 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (18,5 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (7,5 điểm)	Cải cách chế độ công vụ (15,5 điểm)	Cải cách tài chính công (08 điểm)	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (15 điểm)	Tác động của CCHC đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (12,5 điểm)	Tổng cộng điểm	Chỉ số cải cách hành chính (%)	Xếp loại
4	UBND huyện Cư Jút	8,222	10	16,447	7	13	8	6,675	2	71,34	80,16	Tốt
III Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 70% đến dưới 80%: Xếp loại khá												
5	UBND huyện Đắk Mil	12	7,5	12,906	7,5	13,5	8	7,942	1,75	71,10	79,89	Khá
6	UBND huyện Tuy Đức	10,25	9	9,5	7,5	14	8	10,984	1,75	70,98	79,76	Khá
7	UBND huyện Đắk Glong	11,75	9,5	10,403	6	12	6,5	7,497	1,531	65,18	73,24	Khá
8	UBND huyện Đắk Song	9,25	10	8,5	6,5	13,25	8	6,812	1,578	63,89	71,79	Khá